# Nhập khẩu

## Nhập hồ sơ giá nhập khẩu ( theo thông báo của bộ công thương nghiệp): Mrs. Sompong+Mr.Thịlaphon

### Nhập hồ sơ giá nhập khẩu theo giá trị tuyệt đối

Tcode: ***TAXA***

Đường dẫn: Master Data -> Import taxes and fees - > Government import taxes absolute amounts

#### ***Product Name***: Mã hàng hóa

#### Taxable import price: Giá chính phủ

#### ***Import tax amount***: Đơn giá thuế nhập khẩu

#### ***Consumption tax amount*** : Đơn giá thuế tiêu dùng

#### ***VAT amount***: Đơn giá VAT nhập khẩu

#### ***Effective Date***: Ngày bắt đầu hiệu lực

#### ***Branch***: Đơn vị (100, 201,…,207)

**Chú ý:** Khi bộ công thương nghiệp thông báo thay đổi mức giá mới thì phải thực hiện thêm một dòng mới. **Chứ không sửa vào dòng cũ**

### Nhập hồ sơ giá nhập khẩu theo %

Tcode: ***TAXP***

Đường dẫn: Master Data -> Import taxes and fees - > Government import taxes Percentages

#### ***Product Name***: Mã hàng hóa

#### Taxable import price: Giá chính phủ

#### *Import tax amount*: % thuế nhập khẩu

#### Consumption tax amount : % thuế tiêu dùng

#### ***VAT amount***: **%** VAT nhập khẩu

#### ***Effective Date***: Ngày bắt đầu hiệu lực

#### ***Branch***: Đơn vị (100, 201,…,207 )

**Chú ý:** Khi bộ công thương nghiệp thông báo thay đổi mức giá mới thì phải thực hiện thêm một dòng mới. **Chứ không sửa vào dòng cũ**

### Nhập hồ sơ các loại phí

Tcode: ***FEE***

Đường dẫn: Master Data -> Import taxes and fees - > Government import Fees

* ***Product Name***: Mã hàng hóa
* ***Reverse Fee***: Đơn giá phí dự trữ
* ***Road Fee:*** Đơn giá phí đường bộ
* ***Metting Fee***: Đơn giá phí kiểm định
* ***Inpection Fee***: Đơn giá phí đo lường
* ***Enviroment Fee:*** Đơn giá phí môi trường
* ***Effective Date***: Ngày bắt đầu hiệu lực
* ***Branch***: Đơn vị (100, 201,…,207 )

**Chú ý:** Khi bộ công thương nghiệp thông báo thay đổi mức giá mới thì phải thực hiện thêm một dòng mới. **Chứ không sửa vào dòng cũ**

## Tạo đơn mua nhập khẩu (Tạo PO): Mrs.Latdavanh

* Tcode : ***PO***
* Đường dẫn: Import / Purchase order

##### Nhập thông tin chung:

* ***PO Date***: Ngày PO
* ***PO Ref Number***: Số PO bản cứng
* ***PO type:*** Hình thức mua (FOB or CIF)
* ***For Branch***: Đơn vị nhập khẩu (100, 201,…,207)

##### Nhập tab “Product Order”

* ***Currency*** : Loại tiền giao dịch (USD, BAT,…)
* ***Ex.Rate*** : Tỷ giá lấy theo ngày PO (Tự động lấy từ khai báo tỷ giá bên kế toán)
* ***Vendor***: Nhà cung cấp hàng hóa
* ***Product:*** Mã hàng hóa
* ***FOB Price***: Giá mua FOB (Nếu PO type = FOB)
* ***CIF Price :*** Giá mua CIF ( CIF = Giá FOB + Vận tải + Bảo hiểm)
* Order Qty: Số lượng

## Nhập hàng nhập khẩu vào kho nội địa (PR) : Mr.Bób By, Ms.mayulee, Mr kalathon, Mr. soukphakone

Chú ý:

Khi nhập PR kiểm tra hồ sơ giá nhập khẩu và các loại phí. Nếu sai thông báo lại phòng kế toán

*Cách kiểm tra: theo mục* [***1.1***](#_Nhập_hồ_sơ)***,*** [***1.2***](#_Nhập_hồ_sơ_1)***,*** [***1.3***](#_Nhập_hồ_sơ_2)

* Tcode: ***PR***
* Đường dẫn: Import / Purchase Receipt - Standard stock

##### Nhập thông tin chung

* ***Receive Date***: Ngày nhập hàng
* ***PO No:*** Có 02 cách nhập số PO

***Cách 1:*** Nhập số PO vào trường ***PO No***



***Cách 2:*** Tìm số PO từ danh sách đã tạo

Bước 1: Click chuột vào  để hiển thị danh sách PO



Bước 2: Tìm số PO liên quan, Click chuột vào số PO cần nhập hàng.

* + ***To warehouse***: Chọn kho nhập hàng

##### Nhập tab “ Product receipt – tax amounts”

* ***Ex.Rate***: Tỷ giá (Copy từ PO có thể thay đổi)
* ***Bill Qty***: Lượng nhập hàng trên hóa đơn
* ***Meter Qty***: Lượng thực nhập

##### **Nhập tab “ Insurance – freight invoices”** Chỉ với chứng từ có hóa đơn vận chuyển và bảo hiểm

* + ***Vendor***: Nhà cung cấp dịch vụ
	+ ***Invoice Type***: Loại dịch vụ ( Bảo hiểm hoặc vận chuyển)
	+ ***Currency***: Tiền tệ
	+ Ex.Rate book: Tỷ giá
	+ ***Invoice Date***: Ngày hóa đơn
	+ ***Amount***: Số tiền

##### **Nhập tab “ Deductable import VAT”** Thông tin hóa đơn thuế VAT nhập khẩu

Click chuột vào ** người dùng cập nhật lại các thông tin VAT nhập khẩu cho khớp với hóa đơn của Hải Quan, gồm các thông tin sau:

Trường hợp 1: Nếu hóa đơn hải quan theo ***từng chuyến***

* ***VAT %:*** Phần trăm thuế VAT nhập khẩu
* ***Invoince Date***: Ngày hóa đơn
* ***Serial No***: Ký hiệu hóa đơn
* ***Invoice No***: Số hóa đơn
* ***Tax amount***: Trị giá thuế VAT (Hệ thống tự tính)

Trường hợp 2: Nếu hóa đơn hải quan dùng ***chung cho nhiều chuyến***

**Chú ý:** Nếu một hóa đơn hải quan làm cho nhiều chuyến thì thực hiện **nhập hóa đơn hải quan vào chuyến cuối cùng**

* ***VAT %:*** Phần trăm thuế VAT nhập khẩu
* ***Invoince Date***: Ngày hóa đơn
* ***Serial No***: Ký hiệu hóa đơn
* ***Invoice No***: Số hóa đơn
* ***Tax amount***: Trị giá thuế VAT (Nhập đúng giá trị tiền thuế trên hóa đơn hải quan)

##### Nhập tab **“ Deductable import VAT”** Thông tin hóa đơn thuế VAT nhập khẩu

##### Nhập tab **“ Customs declaration”** Thông tin trên Tờ khai nhập khẩu

| **STT** | **Trường thông tin** | **Diễn giải** | **Loại thông tin** | **Bắt buộc** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Remarks | Ghi chú | Tự nhập |  |
| 2 | Import Border Checkout | Cửa khẩu | Chọn từ danh mục | X |
| 3 | Custom decare Number | Số tờ khai hải quan | Tự nhập | X |
| 4 | Custom decare date | Ngày tờ khai hải quan | Tự nhập hoặc Chọn từ danh mục | X |

## Nhập hàng nhập khẩu vào kho miễn thuế (PRF): Mr.Bób By

Chú ý:

Khi nhập PR kiểm tra hồ sơ giá các loại phí. Nếu sai thông báo lại phòng kế toán

*Cách kiểm tra: theo mục* [***1.3***](#_Nhập_hồ_sơ_2)

* Tcode: ***PRF***
* Đường dẫn: Import / Purchase Receipt - Tax-free stock

##### Nhập thông tin chung

* ***Receive Date***: Ngày nhập hàng
* ***PO No:*** Có 02 cách nhập số PO

***Cách 1:*** Nhập số PO vào trường ***PO No***



***Cách 2:*** Tìm số PO từ danh sách đã tạo

Bước 1: Click chuột vào  để hiển thị danh sách PO



Bước 2: Tìm số PO liên quan, Click chuột vào số PO cần nhập hàng.

#### ***For tax-free customer***: Nhập mã khách miễn thuế

#### ***To warehouse***: Chọn kho nhập hàng

#### ***Declaration No:*** Số tờ khai tạm nhập cho khách miễn thuế

##### Nhập tab “ Product receipt – tax amounts”

#### ***Ex.Rate***: Tỷ giá (Copy từ PO có thể thay đổi)

#### ***Bill Qty***: Lượng nhập hàng trên hóa đơn

#### ***Meter Qty***: Lượng thực nhập

##### **Nhập tab “ Insurance – freight invoices”** Chỉ với chứng từ có hóa đơn vận chuyển và bảo hiểm

#### ***Vendor***: Nhà cung cấp dịch vụ

#### ***Invoice Type***: Loại dịch vụ ( Bảo hiểm hoặc vận chuyển)

#### ***Currency***: Tiền tệ

#### Ex.Rate book: Tỷ giá

#### ***Invoice Date***: Ngày hóa đơn

#### ***Amount***: Số tiền

## Báo cáo kiểm soát lượng tồn của PO

Đường dẫn: Import / Purchase Order Balance



###### Quantity: Số lượng trên PO

###### Good receive / Received : Số lượng đã nhập hàng

###### Good receive / Remaning : Số lượng chưa nhập hàng trên PO

Số lượng chưa nhập hàng =Quantity – Good receive/ Received

###### Invoice receive / Received : Số lượng đã nhập hóa đơn

###### Invoice receive / Remaning : Số lượng chưa nhập hóa đơn trên PO

Số lượng chưa nhập hóa đơn = Quantity - Invoice receive / Received

## Báo cáo kiểm soát chứng từ nhập khẩu

Đường dẫn: Import / Purchase Receipts Details



###### Type: Hình thức mua (FOB hoặc CIF)

###### FOB Price: Giá mua FOB (Với Type = FOB)

###### CIF price: Giá mua CIF = Giá mua FOB + I + F

###### Qty: Số lượng nhập theo Bill

###### Curr: Loại tiền tệ ( USD, BAT,…)

###### Ex.Rate: Tỷ giá

###### Goods amount: Trị giá nhập hàng

Goods amount = FOB price \* Qty (Nếu Type = FOB)

Goods amount = CIF price \* Qty (Nếu Type = CIF)

###### (I)+(F) amount : Trị giá bảo hiểm và vận chuyển

(I)+(F) amount = CIF price \* Qty – FOB price \* Qty ( Nếu Type = FOB)

(I)+(F) amount = 0 (Nếu Type = CIF)

###### CIF Amt: Trị giá CIF theo loại tiền KIP

###### Taxes & Fees: Trị giá thuế, phí theo loại tiền KIP

###### Total: Trị giá hàng nhập kho

Total = CIF Amt + Taxes & Fees